TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tư do - Hạnh phúc**

Bản án số: **45**/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 18/4/2023
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Duy T

- Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Viên và bà Nguyễn Thị Hoa.

- Thư ký phiên toà: Nguyễn Thị Thu – Thẩm tra viên chính Toà án nhân dân huyện Q;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên toà: Ông Đàm Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 18/4/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 167/2022/TLST-HNGĐ, ngày 03/11/2022 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Q, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Xa Thị H**, sinh năm 1991, HKTT: Xóm H, thôn K, xã S, huyện Q, thành phố H (Có mặt).

- Bị đơn: Anh **Lê Văn H**, sinh năm 1984, HKTT và nơi ở: Xóm H, thôn K, xã S, huyện Q, thành phố H (Vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Về phía nguyên đơn*: Trong đơn khởi kiện, các bản khai và quá trình tố tụng tại tòa án chị Xa Thị H trình bày:

Tôi kết hôn cùng với anh H (địa chỉ như trên) và đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Q ngày 14/11/2013, trên cơ sở tự nguyện, có sự tìm hiểu, kết hôn không bị ép buộc.

Sau cưới, 2 vợ chồng ở tại gia đình nhà chồng xóm 2, thôn K, xã S, huyện Q, thành phồ Hà Nội. Nghề nghiệp: đều lao động tự do.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được 05 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do tính tình không hợp, không có tiếng nói chung vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, chồng tôi mải chơi, thường xuyên đi về muộn, ít quan tâm đến gia đình trong khi một mình tôi nuôi con vất vả, dẫn đến vợ chồng nhiều mâu thuẫn (từ kinh tế dẫn đến tình cảm). Vợ chồng tôi ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Từ khi ly thân vợ chồng không có mối liên hệ gì về tình cảm. Việc mâu thuẫn của 02 vợ chồng hai bên gia đình có biết nhưng do vợ chồng tôi đã trưởng thành do vậy 2 bên gia đình không không can thiệp.

Nay, tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và tha thiết xin được Tòa án sớm giải quyết cho chúng tôi được ly hôn và xin không hòa giải nhiều lần để yên ổn làm ăn và nuôi dạy con chung.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Hà N, sinh 09/11/2014 và cháu Lê Hà Thanh T, sinh ngày 05/4/2018. Hiện nay, 02 cháu đang ở với anh H cùng ông bà nội ở xã S. Nay vợ chồng ly hôn, tôi thì đi làm xa, ít khi ở nhà, các cháu đang có chỗ ăn, ở ổn định và có ông, bà nội đỡ đần nên tôi có nguyện vọng giữ nguyên hiện trạng nuôi con như hiện nay, vấn đề góp phí tổn nuôi con xin được tự thỏa thuận không đề nghị tòa giải quyết.

Thu nhập bình quân của tôi khoảng 08 triệu/tháng (Công ty may).

Về tài sản chung, công sức, nợ chung của vợ chồng: Xin tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về án phí: Tôi tự nguyện nộp toàn bộ án phí sơ thẩm.

**Về phía bị đơn:* Tòa án giao thông báo, triệu tập, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho đại diện gia đình anh H là bà Nguyễn Thị Q, mẹ đẻ của anh H nhưng đến nay Tòa án không nhận được bất cứ quan điểm nào từ anh H. Anh Lê Văn H hiện có mặt tại địa phương nhưng không biết anh H hiện đang làm gì và thu nhập bao nhiêu.

**Về phía đại diện gia đình bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Quý (mẹ đẻ anh H) không có ý kiến gì về việc chị H, anh H ly hôn. Trường hợp Tòa giao con cho chị H hay anh H thì ông, bà cũng nhất trí nhận chăm sóc các cháu đỡ anh, chị để vợ chồng đi làm ăn.

Biên bản xác minh ngày 28/02/2023, tại UBND xã S thể hiện: Về quan hệ hôn nhân, chị Xa Thị H và anh Lê Văn H kết hôn vào năm 2013 và đăng ký kết hôn tại UBND xã S vào ngày 14/11/2013 và quá trình chung sống anh H và chị H sinh được 02 con là Lê Hà N, sinh 09/11/2014 và cháu Lê Hà Thanh T, sinh ngày 05/4/2018 như chị H kê khai là đúng. Quá trình chung sống tại địa phương cũng không có điều tiếng gì, anh H hộ khẩu vẫn ở địa phương nhưng đi làm ăn ở đâu và làm gì địa phương không nắm đươc, hiện tại vợ chồng anh, chị đã ly thân được một thời gian. Nay chị H có đơn xin ly hôn, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa hòa giải cho vợ chồng anh chị về

đoàn tụ. Trường hợp chị H cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật. Về thu nhập phổ thông trung bình tại địa phương là 450.000 đồng/người/ngày.

Tại phiên tòa anh H vắng mặt không có lý do nên Tòa án cũng không tiến hành hòa giải được theo quy định. Chị H có mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm như đã đề nghị. Ngoài ra chị H đề nghị trường hợp Tòa giao cả 02 con cho chị nuôi dưỡng, chăm sóc chị cũng nhất trí, về góp phí tổn nuôi con xin tự thỏa thuận và không đề nghị tòa giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà có quan điểm:

1. Về Tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 như:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều từ 26 đến Điều 40 BLTTDS.

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án" quy định tại các Điều 239, 240, 241, 242, 243, 246, 247, 249, 250, 251, 252, 253, 254, 255, 256, 257, 259, 260 và Điều 263 BLTTDS năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chấp hành tốt quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành pháp luật gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, HĐXX áp dụng Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án là đúng quy định.

-Về quan điểm về nội vụ án: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa. Viện kiểm sát nhân dân huyện Q đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228 Bộ luật TTDS năm 2015; Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc *"Xin ly hôn"* của chị Xa Thị H. Cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Xa Thị H được ly hôn anh Lê Văn H.

Về con chung: Giao chị H nuôi 02 con là cháu Lê Hà N, sinh ngày 09/11/2014 và Lê Hà Thanh T, sinh ngày 05/4/2018 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi 02 con. Vì vậy, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh H cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Xa Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Văn H có hộ khẩu thường trú và nơi ở tại: Thôn K, xã S, huyện Q, thành phố H nên việc chị H có đơn xin ly hôn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Q giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án giao, gửi và tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh H, căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có sự tìm hiểu, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Q ngày 14/11/2013, đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống theo chị H thì vợ chồng hòa thuận hạnh phúc chỉ được 05 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm, anh H mải chơi, thường xuyên đi về muộn, ít quan tâm đến gia đình dẫn đến vợ chồng có nhiều mâu thuẫn (từ kinh tế dẫn đến tình cảm). Vợ chồng ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Từ khi ly thân vợ chồng không có mối liên hệ gì về tình cảm. Việc mâu thuẫn của 02 vợ chồng hai bên gia đình đều biết nhưng do vợ chồng đã trưởng thành do vậy 2 bên gia đình không can thiệp. Về phía anh H đã được Tòa án giao và thông báo các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết nhưng đều vắng mặt không lý do; qua quan điểm của đại diện gia đình và qua xác minh tại chính quyền địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H và anh H đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay, anh H biết việc Tòa án thụ lý và giải quyết việc ly hôn nhưng cũng không quan tâm, không có quan điểm hay giải pháp nào để hàn gắn vợ chồng; gia đình hai bên cũng không can thiệp gì, cho thấy hôn nhân

giữa chị H và anh H là trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở để chấp nhận. Do đó, căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H và cần xử cho chị H được ly hôn anh H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Hà N, sinh 09/11/2014 và cháu Lê Hà Thanh T, sinh ngày 05/4/2018. Hiện nay, 02 cháu đang ở với anh H cùng ông bà nội ở Sài Sơn. Ly hôn, quá trình thu thập chứng cứ và hòa giải chị H có nguyện vọng giữ nguyên hiện trạng nuôi con như hiện nay. Do anh H vắng mặt tại phiên tòa và không có tài liệu nào chứng minh cho nghề nghiệp, nơi làm việc và nguồn thu nhập để bảo đảm cho quyền nuôi con của mình. Tại phiên tòa, chị H đề nghị trường hợp Tòa giao cả 02 con cho chị nuôi dưỡng, chăm sóc chị cũng nhất trí và chị có trách nhiệm phối hợp nhờ ông, bà nội các cháu chăm sóc, các con tốt nhất còn về góp phí tổn nuôi con xin tự thỏa thuận và không đề nghị tòa giải quyết. Căn cứ vào mức thu nhập và tình hình thực tế của các bên, để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của con chung chưa thành niên sau khi ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Cần giao cả 02 con cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác. Anh H có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về vấn đề góp phí tổn nuôi con chung: Do chị H xin tự thỏa thuận nên cần tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh H cho đến khi có yêu cầu hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Xa Thị H đối với anh Lê Văn H;

1. Về hôn nhân: Chị Xa Thị H được ly hôn anh Lê Văn H;

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Hà N, sinh 09/11/2014 và cháu Lê Hà Thanh T, sinh ngày 05/4/2018. Ly hôn giao hai con Lê Hà N và Lê Hà Thanh T cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác. Anh H có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về vấn đề góp phí tổn nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh H cho đến khi có yêu cầu hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác.

4. Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: Tự thỏa thuận, không đề nghị tòa giải quyết.

5. Về án phí: Chị Xa Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000416 ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Q.

6. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND thành phố H;*
- *VKS ND huyện Q;*
- *THA DS huyện Q;*
- *UBND xã S, H Quốc Oai.*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Duy T